

# Đại từ nhân xưng trong các bài báo khoa học xã hội ở Việt Nam

Nguyễn Đức Long<sup>1</sup>

**Tóm tắt:** Đại từ nhân xưng trong các bài nghiên cứu khoa học có ý nghĩa quan trọng, thể hiện rõ tính liên nhân và ngữ dụng của lựa chọn đại từ ngôi thứ nhất. Tần suất xuất hiện đại từ nhân xưng trong các bài báo khoa học xã hội Việt Nam khá lớn để làm tường minh ý kiến của tác giả, tạo mối liên kết cộng đồng, thể hiện tính khách quan trong lập luận.

**Từ khóa:** Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất; khoa học xã hội Việt Nam.

## 1. Đặt vấn đề

Đại từ nói chung và đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất nói riêng là những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu ngôn ngữ học. Tuy nhiên, chức năng liên nhân của chúng, đặc biệt trong văn phong khoa học, vẫn còn ít được quan tâm. Trong các bài báo khoa học, để tránh đề cập trực diện khi tác giả là chủ thể chính thì đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều sẽ đại diện cho người viết số nhiều lần số ít một cách ổn thỏa và an toàn nhất. Dù ở bất kỳ đại từ nào để xưng gọi mình thì ý đồ của người viết bài báo vẫn hướng về một mục đích dụng học khá rõ ràng. Nói cách khác, người viết đã giao lưu với người đọc bằng cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất như là chức năng liên nhân. Chức năng liên nhân của ngôn ngữ luôn song hành với chức năng ý niệm và chức năng liên kết văn bản. Chức năng liên nhân được hiểu như là sự phục vụ cho việc bộc lộ tình cảm, xã giao, sự đoàn kết giữa người nói/viết và người nghe/đọc thông qua biểu thức ngôn ngữ và cách thức sử dụng chúng.

Đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất gồm “tôi”, “ta” ở hình thức số ít và “chúng tôi”, “chúng ta” ở hình thức số nhiều. Các đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất đề cập tới bản thân người nói, người viết trong một phát ngôn. Việc lựa chọn sử dụng đại từ nhân xưng thể hiện ngôn cảnh và ý nghĩa dụng học của đại từ. Bài viết này nghiên cứu cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất “tôi”, “chúng tôi”, “ta” và “chúng ta” của các tác giả Việt Nam trong những công trình khoa học xã hội được công bố trên một số tạp chí khoa học xã hội Việt Nam có uy tín.

## 2. Tần suất sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trên các tạp chí khoa học xã hội

Chúng tôi đã khảo sát 34 tạp chí khoa học xã hội ở Việt Nam, với hơn 1.000 bài viết khác nhau trải rộng trên nhiều lĩnh vực từ ngôn ngữ, văn hóa, kinh tế, chính trị tới phát triển bền vững, nghiên cứu khu vực xuất bản trong thời gian qua (Bảng 1).

<sup>1</sup> Thạc sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
ĐT: 0977561601. Email: ntmlong9611@yahoo.com

Bảng 1: Sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất

Đại từ nhân xưng	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ trên số bài được khảo sát (%)	Tỷ lệ xuất hiện trong số đại từ ngôi thứ nhất (%)
Chúng tôi	255	25,5	51
Tôi	15	0,15	0,3
Ta	138	13,8	27,6
Chúng ta	92	9,2	18,4

Bảng 1 theo điều tra tác giả cho thấy tần suất xuất hiện của đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất khá nhiều trong các bài báo khoa học. Khoảng một nửa các bài báo chứa đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất, khi tác giả trình bày ý kiến của mình về vấn đề nghiên cứu. Trong số các đại từ nhân xưng được sử dụng, đại từ “tôi” xuất hiện ít nhất (15 lần) chiếm 0,3% số đại từ ngôi thứ nhất và 0,15% số đại từ trong các bài báo được khảo sát. Rõ ràng đại từ “tôi” vẫn còn ít được sử dụng do ảnh hưởng của văn hóa phương Đông, nơi tập thể vẫn thường được chú trọng hơn là các cá nhân. Trong khi đó đại từ “chúng tôi” xuất hiện nhiều nhất (255 lần). Đại từ “chúng tôi” được các tác giả lựa chọn có thể là do yếu tố văn phong để tự xưng mình một cách trang trọng trong các văn bản khoa học.

Đại từ “ta” xuất hiện 138 lần, chiếm 27,6% số đại từ ngôi thứ nhất được sử dụng. Tỷ lệ này cho thấy mức độ liên nhân của tác giả công trình nghiên cứu đối với độc giả khá cao. Tác giả cố gắng tìm sự đồng thuận thông qua việc sử dụng đại từ này để người viết và người đọc có chung một quan điểm trên cơ sở xem nhau cùng một phía. Đại từ “chúng ta” xuất hiện 92

lượt, tương đương 18% số đại từ nhân xưng được sử dụng. Điều này có thể là do trong một số trường hợp bị tính lược lại chỉ còn “ta”, và cũng có thể là do dụng ý của các tác giả để bài viết có thêm phần khách quan trong những nhận định.

### 3. Đại từ nhân xưng với ý kiến của tác giả

Để tìm hiểu việc sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất trong các công trình nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học xã hội Việt Nam, chúng tôi đã tiến hành thống kê số lần đại từ ngôi thứ nhất xuất hiện trong các bài viết của các tác giả đăng trên một số tạp chí có uy tín trong cộng đồng khoa học xã hội trong thời gian gần đây. Do đặc thù rộng của các chủ đề nghiên cứu, chúng tôi chỉ có thể thống kê một số bài báo mà tác giả thể hiện rõ ý kiến cá nhân của mình. Trong các bài báo khoa học xã hội được phân tích trong nghiên cứu này, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất xuất hiện không đồng đều. Một số bài báo dùng nhiều đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất để trình bày một cách tường minh các ý kiến của mình về vấn đề nghiên cứu. Trong số các bài báo được khảo sát, nhiều bài sử dụng đại từ ngôi thứ nhất “tôi”, “chúng tôi” một cách

tường minh. Đại từ “chúng tôi” được sử dụng khá nhiều trong các bài báo để thể hiện ý kiến của một tác giả về vấn đề nghiên cứu. Ví dụ: “Đó là những tiền đề lý thuyết và thực tiễn để chúng tôi thử phân tích bản sắc con người xứ Thanh... Theo chúng tôi, tâm lý định kiến ở một số người đối với người Thanh Hóa không phải do phương ngữ, cũng không hẳn vì tính cục bộ của người xứ Thanh, mà do tính cao ngạo được hình thành bởi lòng tự tôn thái quá của những người sinh ra và lớn lên trong những mạch nguồn “địa linh”, “nguồn cội”” [1, tr.92]; “Chúng tôi khái quát những điểm chung và những điểm khác biệt trong nhìn nhận về những yếu tố cần thiết để phát triển kinh tế hộ gia đình thành công giữa những người nông dân thuộc các hộ có kết quả phát triển kinh tế gia đình khác nhau như sau” [7, tr.35]. Sử dụng các đại từ này, tác giả chịu trách nhiệm cho mọi phát ngôn của mình và trình bày vấn đề với độc giả với vị thế người trình bày thông tin trong khi độc giả là người tiếp nhận những thông tin đó. Mặc dù chỉ có một người xuất hiện với tư cách là tác giả, nhưng khi sử dụng đại từ “chúng tôi”, tác giả muốn giảm nhẹ tính cá nhân, thể hiện tính đa số nhằm thuyết phục người đọc, tránh những khả năng người đọc bị một cảm nhận một sự võ đoán, áp đặt từ phía người viết.

Chúng ta cũng thấy sự xuất hiện của đại từ “tôi” khi tác giả tự đề cập tới ý kiến của mình hay bản thân mình trong nghiên cứu. Ví dụ “Trong một báo cáo khác, tôi cố gắng đưa ra một tổng quan như thế” [13, tr.13]; “Trong chừng mực tài liệu tôi thu thập được, mới có hai công trình thu thập dữ liệu

về ý kiến chủ quan của người dân đối với thứ bậc uy tín nghề nghiệp” [13, tr.14]. Khi sử dụng đại từ “tôi” tác giả muốn thể hiện rõ những đóng góp của mình đối với vấn đề nghiên cứu hiện đang bàn tới. Trong đó, tác giả là người cung cấp thông tin cho độc giả, kênh giao tiếp ở đây phân ngôi rõ ràng để độc giả có thể hiểu được những ý kiến được đề cập ở trên là của riêng tác giả.

#### **4. Đại từ nhân xưng trong liên kết cộng đồng**

Một số tác giả khác lựa chọn cách thể hiện ý kiến của mình một cách gián tiếp, thông qua việc sử dụng đại từ “chúng ta” để tạo thêm mối liên kết cộng đồng, để kết nối người viết và độc giả. Ví dụ, “Chúng tôi đưa ra một sự so sánh (có thể là hơi “khập khểng”) rằng, trong lĩnh vực kinh tế, nếu chúng ta không biết tận dụng được thời cơ, không có những chiến lược đúng đắn, rất có thể chúng ta sẽ trở thành bãi rác, thành công trường, thành công xưởng của thế giới, sẽ trở thành lệ thuộc trong quá trình hội nhập quốc tế” [10, tr.38]. Trong ví dụ này, tác giả đưa “chúng ta” (một sự kết nối giữa tác giả và độc giả) trở thành một bộ phận của đất nước mà hai bên đang sinh sống. Đây là một cách viết trang trọng, tạo nên một mạch “diễn ngôn” tinh tế. Mạch diễn ngôn này hướng đến mọi đối tượng trong nước, với giá trị ngữ dụng học để khẳng định những gì đang diễn ra tại Việt Nam là công việc chung của tất cả mọi người dân. Các chỉ tố đổi “mạch” văn bản khiến người đọc thay đổi từ vai trò người tiếp nhận thông tin sang vai đồng chủ thể. Với hai đại từ nhân xưng “chúng tôi” và chúng ta” đồng thời xuất hiện, tác giả thể hiện ý kiến cá nhân một

cách rõ ràng (khi sử dụng đại từ “chúng tôi”), và đã uyển chuyển đưa nhận định riêng của mình thành nhận định chung của tác giả và độc giả (khi sử dụng đại từ “chúng ta”).

Ví dụ khác: “Khi nghiên cứu mối quan hệ giữa các định chế phi chính thức với ý thức công dân ở Ghana và Côte d’Ivoire ở Châu Phi, Lauren MacLean (2010, tr.234, 237) cho rằng chúng ta không thể chỉ tập trung nghiên cứu các định chế nhà nước mà thôi, đồng thời cũng không thể nghiên cứu các định chế phi chính thức một cách cô lập khỏi quyền lực nhà nước, bởi lẽ đây là hai lĩnh vực có liên quan mật thiết với nhau, và cả hai đều tác động biến đổi lẫn nhau một cách sâu xa theo thời gian” [9, tr.20]. Ở đây, độc giả của bài viết là những người có trình độ học vấn cao, có kiến thức chuyên ngành trùng hoặc gần với nghiên cứu của tác giả. “Cộng đồng” (mà từ “chúng ta” đề cập tới) bao gồm Lauren MacLean, tác giả, độc giả của bài viết và những người nghiên cứu chuyên ngành liên quan tới bài báo. Để có thể nhận được sự đồng ý cao hơn từ độc giả, tác giả “kéo” thêm độc giả vào nhận xét này để thêm phần thân thiện khiến ý kiến nhận xét dễ được chấp nhận hơn.

Việc sử dụng cụm từ “chúng ta” tạo cho độc giả cảm giác rằng tác giả coi độc giả là một phần của nghiên cứu, là đối tượng họ muốn chia sẻ những phát hiện của mình, khiến độc giả hiểu hơn những nghiên cứu ấy, tạo thêm được những mối liên hệ mật thiết về cộng đồng, nguồn gốc dân tộc để kết nối gần nhau hơn. Các tác giả cũng có xu hướng viết “bản thân tôi” khi đề cập tới

các vấn đề đang gây ra nhiều tranh luận, còn những vấn đề đã có sự thống nhất cao thì hay sử dụng các từ “chúng tôi” “chúng ta” nhiều hơn. Theo thông lệ, những đóng góp tốt thì cần được ghi nhận cho tập thể, còn những điểm khác biệt, thậm chí là sai sót là do lỗi của cá nhân. Đây có thể là do người viết ý thức rõ sự quan trọng của các giá trị liên nhân, vị thế của người đọc khi đọc các bài báo khoa học. Các đại từ nhân xưng có thể thúc đẩy sự thấu hiểu giữa người đọc và tác giả và hơn thế nữa, có thể diễn đạt nhiều mức độ liên kết khác nhau giữa các bên. Chẳng hạn trong câu “Trên đây là nghiên cứu khái quát bước đầu về bảo vệ tự do và an ninh cá nhân của con người bằng pháp luật hình sự Việt Nam với một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự nước ta nhằm tăng cường hơn nữa bảo vệ các quyền này” [11, tr.28], đại từ “ta” như là một hình thức tinh lược của đại từ nhân xưng “chúng ta” (chứ không phải “chúng tôi”) để kiến tạo nên liên kết với ý nghĩa dụng học và văn bản rất linh hoạt. Có thể nói, tất cả từ “ta” có thể được hiểu như là một cách nói tinh lược của “chúng ta” mà tất cả người Việt Nam đều có thể hiểu và cảm nhận được một cách hoàn toàn tự nhiên. Trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất “ta” có thể là sự tinh lược của “chúng ta”. Sử dụng cụm từ “nước ta”, tác giả muốn đề cập tới quốc gia Việt Nam, một đất nước không của riêng của tác giả mà là của tất cả những độc giả liên quan tới bài viết ấy.

Ở đây có một sự khác biệt nhỏ giữa “chúng ta” và “ta” về vấn đề phong cách

học. “Chúng ta” mang phong cách trang trọng; “ta” mang phong cách giảm nhẹ hơn, thân mật, gần gũi, có ngụ ý muốn đoàn kết cao hơn, muốn đặt mình và người nghe vào một tập hợp chung hơn. Hiệu ứng giao tiếp dễ nhận thấy của việc dùng từ quy chiếu “ta” là khả năng đi vào lòng người một cách dễ dàng và tự nhiên. Có thể, tác giả sử dụng cụm từ “nước ta” nhằm phát huy thế mạnh tiềm ẩn này. Điều này áp dụng cả trong trường hợp một ai đó là người nước ngoài biết tiếng Việt và đọc bài báo. Trong ví dụ này, tác giả và độc giả đại diện cho toàn bộ các bên liên quan nhờ việc sử dụng đại từ “ta” để đại diện cho tất cả các bên. Như vậy, đại từ “ta” quy chiếu tất cả mọi người liên quan, và tác giả đóng vai trò đại diện trực tiếp để phát đi thông điệp “Nước Việt Nam là của chúng ta, bộ luật hình sự là của chung, áp dụng chung cho tất cả mọi người trên lãnh thổ Việt Nam, mọi người Việt Nam”. Đại từ “ta” khiến cho các bên được nhắc tới gần gũi hơn, hành vi tuyên bố quan điểm chung của tác giả và người đọc khiến cho việc tiếp nhận thông tin, quan điểm này diễn ra nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn.

### **5. Đại từ nhân xưng với tính khách quan trong lập luận**

Để thể hiện sự khách quan trong những lập luận của mình, các cụm từ “theo tác giả”, “tác giả bài viết”, “tác giả cho rằng” được sử dụng khá nhiều. Với việc sử dụng các cụm từ này, người viết có ý rằng: mình chịu trách nhiệm với chính những nhận định nhưng vẫn muốn tạo sự khách quan trong các nhận định được nêu; những ý kiến cá nhân của họ cần có thêm những nghiên

cứu khác. Thống kê của chúng tôi trong số 1.000 bài viết, có tới hơn 150 lần cụm từ “tác giả” xuất hiện (chúng tôi chủ định không đưa cụm từ “các tác giả” vào trong bảng thống kê trên để phân tích riêng trong mục này). Từ “theo tác giả” được sử dụng để làm tăng thêm tính khách quan của nhận định. Từ “theo tác giả” tương đương với “theo tôi”, tuy nhiên cách sử dụng này tạo ra một cảm giác khách quan hơn đối với người đọc và thể hiện rõ ý kiến của riêng người viết. Khi sử dụng từ “theo tác giả”, người viết chịu trách nhiệm cho nhận định mình đưa ra, những nhận định đó được thể hiện thông qua giọng điệu của một bên thứ ba. Ví dụ, trong câu “Tác giả cũng cho rằng, từ thời kỳ Lê Thánh Tông nửa sau thế kỷ XV trở đi đơn vị hương biến mất” [11, tr.105], tác giả có ý rằng mình chịu trách nhiệm về những nhận định này, vì có thể sẽ còn có những ý kiến trái chiều.

### **6. Kết luận**

Tính liên nhân trong giao tiếp nói chung, trong các bài báo khoa học xã hội nói riêng, được thể hiện qua nhiều phương tiện khác nhau. Sự áp dụng nhiều tầng, nhiều lớp liên nhân là một trong những thành công của tác giả công trình nghiên cứu khi trình bày các cứ liệu khoa học của mình. Các đại từ “chúng ta”, “chúng tôi” được một cá nhân dùng mang nhiều ý nghĩa dụng học. Xu thế sử dụng đại từ “chúng tôi” trong các bài báo khoa học đang tăng dần lên.

### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Trần Thị An (2016), “Bản sắc xứ Thanh - Nhìn từ cội nguồn văn hóa truyền thống”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.

- [2] Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Hoàng Chí Bảo (2016) “Những nhận thức lý luận mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XII”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5.
- [4] Ngô Hữu Hoàng (2012) “Diễn ngôn nghệ thuật: Từ thực tế đến cảm thụ”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 4.
- [5] Ngô Hữu Hoàng (2013) “Chúng ta và Chúng tôi trong bản Tuyên ngôn độc lập Việt Nam”, Tạp chí *Từ điển học và bách khoa thư*, số 5.
- [6] Đỗ Minh Hùng (2012) “Lớp động từ tình thái trong các bài diễn văn nhậm chức Tổng thống Mỹ”, Tạp chí *Ngôn ngữ và đời sống*, số 10.
- [7] Lê Thị Thanh Hương (2016), “Nhìn nhận của người nông dân về các yếu tố cần thiết để phát triển kinh tế hộ gia đình thành công và bền vững”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 3.
- [8] Hà Mạnh Khoa (2016), “Đơn vị hành chính cấp hương trong lịch sử Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
- [9] Trần Hữu Quang (2016), “Định chế xã hội phi chính thức: Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn xã hội ở Tây Nguyên”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 2.
- [10] Chu Văn Tuấn (2015), “Sự biến đổi của tôn giáo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo*, số 1.
- [11] Trịnh Tiến Việt (2015), “Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam”, Tạp chí *Nhân lực khoa học xã hội*, số 9.
- [12] Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [13] Bùi Thế Cường (2016), “Người dân ở vùng Đông Nam Bộ xếp bậc uy tín nghề nghiệp”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1 (133).
- [14] Bo Xu (2012), “An Analysis of English Business Letter from the Perspective of Personal Functional”. *Ccsenet.org*.
- [15] Hao Feng (2010), “Analysis of Interpersonal Meaning in Public Speeches - A case of Obama’s Speech”, *Journal of Language Learning and Research*, Vol. 1.
- [16] Zhila Bahman (2008), “Interpersonal Function and Personality Type”, OWPLC.